

Bản án số: 08/2025/LĐ-ST

Ngày: 31/7/2025

V/v “Tranh chấp đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐỒNG NAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phú
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
2. Ông Huỳnh Phi Hồ- (Trước đây là cán bộ Liên đoàn LĐ TP. Biên Hòa).
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 39/2023/TLST-LĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-LĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 và Thông báo dời lịch ngày 162/2025/TB-TA ngày 10/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Ngô Vũ H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số D, đường D, phường F, quận G (Nay là phường A), thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty TNHH T2

Địa chỉ: Số D, đường B, khu phố C, phường T, thành phố B (Nay là phường T), tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chức vụ Giám đốc

Địa chỉ: Thôn G, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số B, đường H, phường T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh T1 – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Phương H1, sinh năm 1976

Theo giấy ủy quyền số: 40/GUQ-BHXXH ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Địa chỉ: Số B, khu phố C, phường Q, thành phố B (Nay là khu phố C, phường T), tỉnh Đồng Nai.

(Ông H có mặt; ông T, bà H1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện ngày 09/8/2023, bản tự khai, biên bản làm việc - nguyên đơn ông Lê Ngô Vũ H trình bày:***

Ông vào làm việc cho Công ty TNHH T2 (gọi tắt là Công ty) từ ngày 01/10/2021, sau 2 tháng thử việc Công ty không ký hợp đồng thử việc và sau đó Công ty cũng không ký hợp đồng lao động; công việc làm là nhân viên giao nhận hiện trường xuất nhập khẩu; mức lương: 11.000.000 đồng/tháng.

Trong thời gian làm việc ông luôn hoàn thành công việc được giao và hàng tháng công ty đều trừ tiền BHXH bắt buộc theo quy định, nhưng ngày 15/4/2023, Giám đốc nhắn tin bảo ông tìm việc mới kể từ ngày 17/4/2023 không có công việc cho ông nữa; nhưng công ty không trả đủ tiền lương tháng 4/2023. Cụ thể: thiếu 5.500.000 đồng; thiếu tiền hàng ông tự ứng để xử lý công việc 1.781.000 đồng (có xác nhận của giám đốc), không chốt trả sổ bảo hiểm xã hội, không giải quyết phép hàng năm cho ông theo quy định.

Ông liên hệ với giám đốc công ty là ông Trịnh Văn T để giải quyết, ông Trịnh Văn T hứa đến ngày 23/5/2023 thì công ty sẽ trả hết tiền lương và tiền hàng cho ông nhưng không thực hiện. Ngày 30/6/2023, ông gửi đơn khiếu nại đến Thanh tra Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đ nhưng không giải quyết được.

Nhận thấy Công ty TNHH T2 không trả tiền lương, tiền hàng, tiền phép hàng năm, hàng tháng Công ty đều trừ Bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng không đóng cho cơ quan Bảo hiểm xã hội và đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông là trái quy định pháp luật. Vì vậy ông làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai) xem xét, giải quyết buộc Công ty giải quyết cho ông các yêu cầu sau:

1. Nhận ông trở lại làm việc;
2. Bồi thường tiền lương trong những ngày ông không được làm việc;
3. Bồi thường 02 tháng lương do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.
4. Truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian trước đây và thời gian ông không được làm việc

Các chế độ ông tạm tính đến ngày 16 tháng 11 năm 2023 như sau:

1. Tiền lương trong những ngày không được làm việc: Từ ngày 16/4/2023 đến ngày 16/11/2023 là 7 tháng:

$11.000.000 \text{ đồng} \times 7 = 77.000.000 \text{ đồng}$

2. Bồi thường 02 tháng lương: $11.000.000 \text{ đồng} \times 2 = 22.000.000 \text{ đồng}$

3. Truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ thời gian ông vào công ty đến hết thời gian ông không được làm việc:

$11.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 21,5\% \times 24 \text{ tháng} = 56.760.000 \text{ đồng}$

4. Tiền lương tháng 4/2023, công ty chưa trả đủ: 5.500.000 đồng;

5. Tiền hàng công ty còn thiếu: 1.781.000 đồng.

6. Tiền phép hàng năm 12 ngày phép năm 2022:

$11.000.000 \text{ đồng} : 26 \times 12 = 5.076.923 \text{ đồng}.$

Tổng cộng các khoản (1)+(2)+(4)+(5)+(6) là: 111.358.000 đồng (Một trăm mười một triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Tại phiên tòa, ông Lê Ngô Vũ H rút một phần yêu cầu khởi kiện. Ông H không yêu cầu công ty nhận lại làm việc. Chỉ yêu cầu công ty thanh toán các khoản là 111.358.000 đồng. Đồng thời, truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian trước đây, và thời gian ông H không được làm việc: 56.760.000 đồng.

*** Tại văn bản trình bày ngày 20/7/2024, ngày 09/6/2025; ngày 19/5/2025; ngày 01/7/2025 - Bị đơn Công ty T2 do ông Trịnh Văn T đại diện trình bày:**

Do Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 không thực hiện bất kỳ hợp đồng lao động, không có thực hiện bất kỳ hợp tác, thỏa thuận công việc nào đối với nguyên đơn là ông Lê Ngô Vũ H nên công ty không có giấy tờ liên quan nào liên quan để nộp bổ sung cho quý tòa ngoài các văn bản sau: văn bản giải trình số: 20240720/VBGT ngày 20/07/2024 & văn bản giải trình số: 20240801/VBGT ngày 01/08/2024, đơn xin vắng mặt số: 20240923/VBGT ngày 23/09/2024, đơn xin gia hạn số 20250307/VBGT ngày 07/03/2025.

Ý kiến của ông đối với các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp:

+ Đối với Sao kê phiếu lương (Bản gốc) từ 01/6/2021 đến 09/6/2023: Công ty TNHH T2 chưa từng thực hiện bất kỳ việc thanh toán chi trả tiền lương nào cho ông Lê Ngô Vũ H.

+ Đối với nội dung Bản chính giấy viết tay làm việc giữa ông Lê Ngô Vũ H và ông T ngày 16/5/2023, do công ty TNHH T2 không có lưu trữ hồ sơ cũng như không nắm bắt được nội dung giấy tờ đó nên Công ty TNHH T2 không chịu trách nhiệm liên quan đến các giấy tờ không phải do công ty T3 phát hành.

+ Đối với bản photo hình chụp tin nhắn: đó là các tin nhắn trao đổi giữa các cá nhân với nhau, do công ty TNHH T2 không có lưu trữ hồ sơ cũng như không

nắm bắt được nội dung tin nhắn đó nên Công ty TNHH T2 không chịu trách nhiệm các vấn đề liên quan. Công ty TNHH T2 không có sử dụng tài khoản Zalo để làm việc.

Do vụ án nêu trên có liên quan đến người đại diện pháp luật của công ty là ông Trịnh Văn T và ông Lê Ngô Vũ H nên công ty TNHH T2 đề nghị quý tòa xem xét giải quyết vụ án theo góc độ cá nhân – cá nhân. Công ty TNHH T2 không có bất kỳ mối quan hệ công việc hay thỏa thuận liên quan nào đối với ông Lê Ngô Vũ H.

**** Tại văn bản ngày 25/7/2024- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ - đại diện theo ủy quyền là bà Đinh Thị Phương H1 trình bày:***

Theo kết quả rà soát hồ sơ đang lưu trữ tại Sở L không có dữ liệu có liên quan đến việc khai trình sử dụng lao động của Công ty TNHH T2. Do vậy, Sở L không có cơ sở để cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tòa án.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên Tòa:**

Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua kiểm sát giải quyết vụ án dân sự từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công làm chủ tọa giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong vụ án này, các đương sự được Thẩm phán xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trịnh Văn T - đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T2 là bị đơn có đơn xin vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của ông Lê Ngô Vũ H yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Tòa án giải quyết về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” được quy định tại Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 32, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án có thẩm quyền xét xử là Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (Nay là Toà án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai).

Về tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định Lê Ngô Vũ H là nguyên đơn; Công ty TNHH T2 là bị đơn; Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Về nội dung vụ án:

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-Lê Ngô Vũ H Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn Lê Ngô Vũ H không cung cấp được Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH T2 và ông H, cũng không có chứng cứ nào thể hiện ông H làm việc cho công ty TNHH T2.

Nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ là tin nhắn và 1 sổ giấy viết tay cam kết sẽ thực hiện những yêu cầu của ông H thì ông T cho rằng đó là quan hệ cá nhân chứ không liên quan đến Công ty. Quá trình làm việc đã hướng dẫn nguyên đơn yêu cầu cá nhân ông T nhưng nguyên đơn không đồng ý, chỉ yêu cầu công ty TNHH T2.

Đại diện Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ cũng trình bày: Theo kết quả rà soát hồ sơ đang lưu trữ tại Sở L không có dữ liệu có liên quan đến việc khai trình sử dụng lao động của Công ty TNHH T2.

Từ những căn cứ như đã phân tích trên cho thấy việc ông H yêu cầu là không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Ông Lê Ngô Vũ H được miễn án phí theo quy định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 3, Điều 7, Điều 13, Điều 14 Bộ luật lao động 2019.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngô Vũ H.

2.Về án phí Lao động sơ thẩm: Ông Lê Ngô Vũ H được miễn án phí theo quy định pháp luật.

3.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm ngày) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND khu vực 1-Đồng Nai.
- Phòng THA dân sự khu vực 1-Đồng Nai.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Thị Phú